

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3106** /UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **04** tháng 6 năm 2018

V/v bổ sung vào bản đồ
Kế hoạch sử dụng đất
năm 2017 đối với các thửa đất
chuyển mục đích sử dụng đất
phải xin phép của hộ gia đình,
cá nhân trên địa bàn
thành phố Quảng Ngãi

TT CÔNG BẢO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 4579
	Ngày: 04.6.18
	Chuyên:

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại các Công văn: số 1457/UBND ngày 20/3/2018 và số 1716/UBND ngày 02/4/2018 về việc bổ sung vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 thành phố Quảng Ngãi đối với các thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của hộ gia đình, cá nhân; Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Công văn: số 1606/STNMT-QLĐĐ ngày 16/4/2018, số 1651/STNMT-QLĐĐ ngày 19/4/2018 và số 2281/STNMT-QLĐĐ ngày 25/5/2018, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất bổ sung các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 thành phố Quảng Ngãi, như sau:

Tổng số vị trí thửa đất: 13 vị trí, tổng diện tích 5.903,4 m², loại đất HNK; trong đó:

- Phường Lê Hồng Phong: Có 02 vị trí, diện tích 610,1 m², loại đất HNK.
- Phường Nghĩa Chánh: Có 01 vị trí, diện tích 1.373,4 m², loại đất HNK.
- Phường Nghĩa Lộ: Có 05 vị trí, diện tích 1.685,5 m², loại đất HNK.
- Phường Trần Phú: Có 01 vị trí, diện tích 149,4 m², loại đất HNK.
- Xã Nghĩa Dũng: Có 04 vị trí, diện tích 2.085 m², loại đất HNK.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

2. UBND thành phố Quảng Ngãi cập nhật các vị trí thửa đất nêu trên vào bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố; đồng thời chịu trách nhiệm việc đăng ký bổ sung các vị trí chuyển mục đích thực hiện trong năm kế hoạch.

3. Các vị trí cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo gắn kết với hạ tầng, kỹ thuật khu dân cư hiện hữu, không làm ảnh hưởng đến việc phát triển quỹ đất tập trung đối với các dự án của tỉnh, của thành phố.

4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi và hướng dẫn UBND thành phố Quảng Ngãi triển khai thực hiện đúng quy định.

Yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quảng Ngãi triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CNXD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(trh407).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính

Phụ lục:
DANH MỤC CÁC VỊ TRÍ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỔ SUNG VÀO KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 CỦA THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI



(Công văn số 3106/UBND-NNTN ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh)

Phường Lê Hồng Phong

Thửa đất số 81, diện tích 284,6 m², tờ bản đồ số 35, bản đồ đo đạc năm 2016, Phường Lê Hồng Phong (tại Công văn số 62/TTQH-QLĐT ngày 08/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673351.80	585527.35	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 81, tờ bản đồ số 35 (đo vẽ năm 2016), Phường Lê Hồng Phong
2	1673353.88	585527.96	
3	1673393.91	585539.47	
4	1673393.26	585546.05	
5	1673383.37	585544.02	
6	1673373.67	585541.29	
7	1673374.19	585539.62	
8	1673367.33	585537.13	
9	1673351.74	585534.43	
10	1673349.66	585534.07	

2. Thửa đất số 38, diện tích 323,5 m², tờ bản đồ số 30, bản đồ đo đạc năm 2016, Phường Lê Hồng Phong (tại Công văn số 66/TTQH-QLĐT ngày 08/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673631.95	586337.86	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 38, tờ bản đồ số 30 (đo vẽ năm 2016), Phường Lê Hồng Phong
2	1673632.96	586338.28	
3	1673640.19	586341.71	
4	1673647.33	586345.10	
5	1673648.54	586345.67	
6	1673654.64	586348.57	
7	1673662.56	586352.33	

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
8	1673661.70	586354.55	
9	1673661.09	586356.15	
10	1673651.08	586352.91	
11	1673649.60	586357.28	
12	1673626.66	586349.73	

II. Phường Nghĩa Chánh

1. Thửa đất số 71, diện tích 1.373,4 m², tờ bản đồ số 48, phường Nghĩa Chánh (tại Công văn số 79/TTQH-QLĐT ngày 20/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671540.70	587361.82	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 71, tờ bản đồ số 48, phường Nghĩa Chánh
2	1671542.68	587384.19	
3	1671526.93	587389.81	
4	1671513.76	587393.30	
5	1671503.75	587393.77	
6	1671499.65	587394.18	
7	1671496.55	587394.49	
8	1671487.77	587395.41	
9	1671484.13	587380.94	
10	1671484.14	587374.59	
11	1671488.26	587372.02	
12	1671492.69	587371.34	
13	1671498.07	587370.66	
14	1671502.97	587369.75	
15	1671510.80	587368.16	
16	1671514.55	587366.91	
17	1671519.56	587366.24	

III. Phường Nghĩa Lộ

1. Thửa đất số 236, diện tích 91,4 m², tờ bản đồ số 47, đo đạc năm 2016, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 61/TTQH-QLĐT ngày 08/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671213.14	584762.36	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 236, tờ bản đồ số 47 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Lộ
2	1671220.98	584768.52	
3	1671220.57	584770.74	
4	1671218.51	584778.17	
5	1671214.53	584774.55	
6	1671210.18	584770.26	

2. Thửa đất số 226, diện tích 354,7 m², tờ bản đồ số 44, đo đạc năm 2016, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 67/TTQH-QLĐT ngày 08/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671297.11	585668.14	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 226, tờ bản đồ số 44 (đo vẽ năm 2016), phường Nghĩa Lộ
2	1671308.04	585675.53	
3	1671288.27	585685.64	
4	1671281.84	585688.93	
5	1671271.19	585679.24	
6	1671288.27	585671.93	

3. Thửa đất số 193, diện tích 259,3 m², tờ bản đồ số 01, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 69/TTQH-QLĐT ngày 20/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671040.81	584325.92	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 193, tờ bản đồ số 1, phường Nghĩa Lộ
2	1671045.12	584343.40	
3	1671039.75	584344.32	
4	1671031.05	584346.73	
5	1671030.10	584343.22	
6	1671027.22	584328.34	
7	1671034.91	584326.97	

4. Thửa đất số 216, diện tích 111,4 m², tờ bản đồ số 49, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 76/TTQH-QLĐT ngày 20/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671137.33	585300.05	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 216, tờ bản đồ số 49, phường Nghĩa Lộ
2	1671142.20	585305.86	
3	1671148.62	585313.50	
4	1671151.77	585317.26	
5	1671147.72	585320.20	
6	1671147.46	585319.89	
7	1671144.61	585316.50	
8	1671138.18	585308.82	
9	1671133.49	585303.25	

5. Thửa đất số 130, diện tích 868,7 m², tờ bản đồ số 33, phường Nghĩa Lộ (tại Công văn số 86/TTQH-QLĐT ngày 21/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1671753.57	584321.85	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 130, tờ bản đồ số 33, phường Nghĩa Lộ
2	1671757.01	584323.59	
3	1671767.36	584325.48	
4	1671770.07	584325.67	
5	1671778.91	584326.30	
6	1671780.20	584329.68	
7	1671772.71	584334.88	
8	1671758.74	584344.57	
9	1671756.99	584345.78	
10	1671752.71	584343.98	
11	1671731.60	584354.17	
12	1671729.19	584333.39	
13	1671749.20	584323.92	

IV. Phường Trần Phú

1. Thửa đất số 165, diện tích 149,4 m², tờ bản đồ số 13, Phường Trần Phú (tại Công văn số 97/TTQH-QLĐT ngày 27/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1673316.58	584614.00	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 165, tờ bản đồ số 13, Phường Trần Phú
2	1673319.05	584621.62	
3	1673308.70	584622.21	
4	1673299.00	584622.23	
5	1673299.17	584614.24	

V. Xã Nghĩa Đông

1. Thửa đất số 495, diện tích 221,3 m², tờ bản đồ số 16, đo đạc năm 2016, xã Nghĩa Đông (tại Công văn số 65/TTQH-QLĐT ngày 08/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672539.41	588623.09	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 495, tờ bản đồ số 16 (đo vẽ năm 2016), xã Nghĩa Đông
2	1672559.16	588623.64	
3	1672560.04	588631.97	
4	1672559.64	588632.00	
5	1672560.20	588633.70	
6	1672544.14	588633.93	
7	1672539.14	588634.01	
8	1672538.01	588623.28	

2. Thửa đất số 52, diện tích 640,8 m², tờ bản đồ số 23, đo đạc năm 2016, xã Nghĩa Đông (tại Công văn số 60/TTQH-QLĐT ngày 08/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672381.86	589632.34	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 52, tờ bản đồ số 23 (đo vẽ năm 2016), xã Nghĩa Đông
2	1672386.27	589641.04	
3	1672392.81	589654.06	
4	1672383.78	589662.19	
5	1672373.52	589668.38	
6	1672369.41	589658.86	
7	1672361.27	589640.04	
8	1672372.23	589635.94	

3. Thửa đất số 121, diện tích 200 m², tờ bản đồ số 23, xã Nghĩa Đồng (tại Công văn số 82/TTQH-QLĐT ngày 21/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672300.18	589558.10	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 121, tờ bản đồ số 23, xã Nghĩa Đồng
2	1672295.34	589559.36	
3	1672285.90	589520.49	
8	1672290.74	589519.23	

4. Thửa đất số 71, diện tích 1.022,9 m², tờ bản đồ số 4, xã Nghĩa Đồng (tại Công văn số 84/TTQH-QLĐT ngày 21/3/2018 của Phòng Quản lý đô thị thành phố). Vị trí được giới hạn bởi các điểm tọa độ sau:

Điểm góc	Tọa độ VN 2000		Ghi chú
	X (m)	Y (m)	
1	1672336.40	589964.94	Tọa độ vị trí thửa đất được trích từ thửa số 71, tờ bản đồ số 4, xã Nghĩa Đồng
2	1672352.69	589969.07	
3	1672351.28	589991.72	
4	1672348.20	590019.82	
5	1672347.44	590030.06	
6	1672346.56	590030.15	
7	1672341.17	590026.74	
8	1672337.87	590026.09	
9	1672336.61	590018.36	
10	1672329.41	590016.46	
11	1672331.31	590004.32	
12	1672333.26	589990.21	

./.